

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 135/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 4 - 2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng

2. Ông Trịnh Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 983/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp 02, xã PL, huyện BL, tỉnh Long An (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Hữu P: Ông Nguyễn Văn Ph – Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Ph thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: Số 477A/24 QCT, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Kim D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp MA, xã MA, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Bùi Thị Kim D: Ông Bùi Quốc N – Luật sư của Chi nhánh Công ty luật A - T thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ; địa chỉ: Ấp MH, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị D tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 24/6/2004. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại số 56, Ấp 02, xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến khoảng giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm về chuyện làm ăn kinh tế nên thường xảy ra cự cãi. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình 02 bên cũng như anh chị không có hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh P yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Tấn Kh, sinh ngày 22/7/2012 và Nguyễn Thị Yến X, sinh ngày 21/3/2004, con chung đang sinh sống với chị Bùi Thị Kim D từ thời điểm năm 2019 cho đến nay. Sau khi ly hôn, anh P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Tấn Kh; anh P đồng ý để chị Bùi Thị Kim D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Yến X. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do anh P yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Tấn Kh vì anh P là con trai một, cháu Kh cũng là cháu trai duy nhất trong gia đình. Từ trước đến nay anh P không có về bên vợ nên không biết hoàn cảnh bên vợ và việc chăm sóc con của vợ như thế nào. Hiện nay, anh P cũng nhận thấy trong quá trình chung sống với mẹ thì các con vẫn phát triển tốt về mặt vật chất và tinh thần.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 18/3/2020, chị Bùi Thị Kim D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Nguyễn Hữu P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Tấn Kh, sinh ngày 22/7/2012 và Nguyễn Thị Yến X, sinh ngày 21/3/2004, con chung đang sinh sống với chị D. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Hữu P cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị D làm nghề mua bán, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng/tháng đến 6.000.000 đồng/tháng nên đủ nuôi cháu Kh; đối với cháu X hiện nay đã đi làm và có thu nhập riêng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Anh Nguyễn Hữu P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Lý do anh P yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Tấn Kh vì sợ cháu gặp nguy hiểm khi phải tự điều khiển xe đạp để đi học hằng ngày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chị Bùi Thị Kim D vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Kh và cháu X.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu P và chị Bùi Thị Kim D. Chị Bùi Thị Kim D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Tấn Kh, sinh ngày 22/7/2012. Anh Nguyễn Hữu P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Hữu P khởi kiện xin ly hôn chị Bùi Thị Kim D có nơi cư trú tại Ấp MA, xã MA, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu P và chị Bùi Thị Kim D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 24/6/2004 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P và chị D đều thừa nhận vợ chồng chung sống không hạnh P và đã sống ly thân hơn 02 năm nay, trong thời gian sống ly thân, gia đình 02 bên và bản thân anh chị không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh P và chị D nhưng không hòa giải được; chị D cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh P. Do đó, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đòi

sống chung không thể kéo dài, việc anh P yêu cầu ly hôn chị D phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Anh Nguyễn Hữu P và chị Bùi Thị Kim D đều xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Tấn Kh, sinh ngày 22/7/2012 và Nguyễn Thị Yến X, sinh ngày 21/3/2004, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì con chung sinh sống với chị Bùi Thị Kim D. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Hữu P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Tấn Kh; anh P đồng ý để chị Bùi Thị Kim D được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Yến X. Chị Bùi Thị Kim D yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Đối với cháu Nguyễn Thị Yến X: Anh P đồng ý để chị Bùi Thị Kim D được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X và chị D cũng yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X. Đồng thời, cháu X có nguyện vọng được sống chung với chị D nên thỏa thuận của anh P và chị D về việc chị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với cháu Nguyễn Ngọc Tấn Kh: Anh P và chị D đều có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh. Xét thấy, việc giao con chung cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của cháu Kh, cháu X, chị D và anh P, trong thời gian anh P, chị D sống ly thân (cuối năm 2018 cho đến nay) thì anh P không đến thăm nom, phụ giúp chị D trong việc giáo dục, nuôi dưỡng con chung nhưng con chung vẫn phát triển tốt cả về vật chất lẫn tinh thần dưới sự chăm sóc của chị D. Mặt khác, cháu Nguyễn Ngọc Tấn Kh sống với chị D từ khi vợ chồng ly thân nên tình cảm của cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng, cháu Kh cũng có nguyện vọng được sống với chị D. Để ổn định cuộc sống cho cháu Kh, giúp cháu Kh phát triển tốt nhất về vật chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh của chị D phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Tấn Kh của anh Nguyễn Hữu P không phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị Kim D là người trực tiếp nuôi con chung nên anh Nguyễn Hữu P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Do chị Bùi Thị Kim D không yêu cầu anh Nguyễn Hữu P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Hữu P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu P.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu P được ly hôn chị Bùi Thị Kim D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn **số 62** do Ủy ban nhân dân xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 24/6/2004 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Bùi Thị Kim D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Tấn Kh, sinh ngày 22/7/2012 và Nguyễn Thị Yến X, sinh ngày 21/3/2004, hiện đang sống chung với chị Bùi Thị Kim D.

Anh Nguyễn Hữu P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị Kim D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Hữu P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ghi nhận anh Nguyễn Hữu P và Bùi Thị Kim D xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Nguyễn Hữu P và Bùi Thị Kim D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào

số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0009081 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- **UBND xã Mỹ An;**
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang